

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
QUẬN D
THÀNH PHỐ H**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 20/2021/HNGĐ-ST
Ngày 12 - 8 - 2021
V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi con
khi ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN D - THÀNH PHỐ H

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Vũ Quang Trung

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Đỗ Kim Hiệu

Ông Phạm Thanh Giản

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Trang Thanh – Thư ký Tòa án nhân dân quận D, thành phố H.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân quận D, thành phố H tham gia phiên tòa:
Ông Bùi Đình Lành - Kiểm sát viên.

Ngày 12 tháng 8 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân quận D, thành phố H xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình sơ thẩm thụ lý số 56/2021/TLST-HNGĐ ngày 11 tháng 6 năm 2021 về việc ly hôn, tranh chấp nuôi con khi ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 258/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 22 tháng 7 năm 2021 và Quyết định hoãn phiên tòa số 274/2021/QĐST-HNGĐ ngày 03 tháng 08 năm 2021, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị S; nơi ĐKKHKT: Tổ 10, phường H quận D, thành phố H; nơi cư trú: số 06 đường 402, tổ 11 phường H, quận D, thành phố H; có mặt.

- Bị đơn: Anh Phạm Văn M; nơi cư trú: Tổ 10, phường H quận D, thành phố H; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện, bản tự khai và trong quá trình chuẩn bị xét xử, nguyên đơn là chị S trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh M xây dựng gia đình trên cơ sở tự nguyện, có tổ chức cưới theo phong tục tập quán và có đăng ký kết hôn ngày 04-4-2001 tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện K, thành phố H. Vợ chồng chung sống hòa thuận, hạnh phúc được khoảng hơn 10 năm thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do cách sống của hai bên không hợp nhau nên vợ chồng thường xuyên cãi nhau. Mặc dù hai bên hòa giải nhiều lần nhưng không thành, mâu thuẫn vợ chồng ngày càng căng thẳng, anh chị sống ly thân từ đầu năm 2021 đến nay. Chị xét thấy tình cảm giữa vợ chồng không thể hàn gắn nên tại phiên hòa giải hôm nay, chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh M.

Về con chung: Chị và anh M có 02 con chung là V sinh năm 2001 (đã đủ 18 tuổi), cháu T sinh năm 2009. Khi ly hôn, cháu V đã đủ 18 tuổi nên chị không yêu cầu giải quyết và đề nghị được nuôi con chung T. Tiền cấp dưỡng nuôi con vợ chồng tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung: Vợ chồng tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về án phí: Chị tự nguyện nộp cả tiền án phí ly hôn sơ thẩm.

Tại bản tự khai và trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn anh Phạm Văn M trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Thời gian kết hôn và quá trình vợ chồng chung sống chị S trình bày là đúng. Về mâu thuẫn vợ chồng anh xác định có mâu thuẫn nhưng là mâu thuẫn nhỏ, gia đình nào cũng có, anh thấy tình cảm vợ chồng vẫn còn nên không đồng ý ly hôn, mong muốn Tòa án hòa giải để vợ chồng về đoàn tụ để cùng nuôi dạy con.

Về con chung: Anh và chị S có 02 con chung là V sinh năm 2001 (đã đủ 18 tuổi), cháu T sinh năm 2009. Nếu chị S cương quyết ly hôn thì anh tôn trọng nguyện vọng của cháu T, tùy cháu Trang muốn ở với bố hay mẹ anh đều chấp nhận. Tiền cấp dưỡng nuôi con vợ chồng tự thỏa thuận không yêu cầu tòa án giải quyết.

Về tài sản chung: Vợ chồng tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết

Tòa án đã tiến hành xác minh về mâu thuẫn vợ chồng tại địa phương nơi chị S và anh M sinh sống thể hiện vợ chồng có mâu thuẫn và chị S đã bỏ về nhà em trai sinh sống khoảng hơn 1 năm nay.

Tòa án đã tiến hành hòa giải nhưng không thành, chị S vẫn kiên quyết giữ quan điểm đề nghị xin ly hôn.

Tại phiên tòa, chị S vẫn giữ nguyên quan điểm đề nghị được ly hôn anh M và đề nghị được nuôi con chung là cháu Trang.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân quận D, thành phố H tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử; việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng

trong quá trình Tòa án giải quyết vụ án và ý kiến về việc giải quyết vụ án: Về quan hệ hôn nhân, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn: Cho chị S được ly hôn anh M. Về con chung: Chấp nhận đề nghị của chị S, giao con chung T sinh năm 2009 cho chị S trực tiếp nuôi dưỡng. Về việc cấp dưỡng nuôi con, tài sản chung chị S không yêu cầu nên không xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra công khai tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

- Về thủ tục tố tụng:

[1] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết: Chị S và anh Phạm Văn M kết hôn tự nguyện có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện K, thành phố H năm 2001; theo quy định tại Điều 9, Điều 11, Điều 103 của Luật Hôn nhân và Gia đình, đây là quan hệ hôn nhân hợp pháp. Chị S có đơn đề nghị Tòa án nhân dân quận D giải quyết việc ly hôn, anh Phạm Văn M hiện đang cư trú tại phường H, quận D, thành phố H, nên theo khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận D, thành phố H.

[2] Về sự vắng mặt của các đương sự: anh M đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ Quyết định đưa vụ án ra xét xử và quyết định hoãn phiên tòa nhưng vắng mặt. Do đó, căn cứ các điều 227, điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt anh Phạm Văn M.

- Về quan hệ hôn nhân:

[3] Chị S và anh Phạm Văn M xây dựng gia đình với nhau trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn theo quy định Luật hôn nhân và gia đình. Đây là quan hệ hôn nhân hợp pháp, được pháp luật thừa nhận và bảo vệ. Sau khi kết hôn, cuộc sống chung của vợ chồng hoà thuận, hạnh phúc được khoảng hơn 10 năm thì phát sinh mâu thuẫn. Quá trình xác minh thu thập chứng cứ qua lời khai của gia đình, chính quyền địa phương xác định: Chị S và anh M xảy ra mâu thuẫn, hai bên đã hòa giải nhiều lần nhưng không thành. Hiện tại, chị S và anh M đã sống ly thân, không còn quan tâm tới nhau. Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành hòa giải. Tại phiên hòa giải, anh M mong muốn được đoàn tụ, song thực tế không có biện pháp gì có hiệu quả để giải quyết mâu thuẫn, chị S vẫn kiên quyết xin ly hôn. Theo quy định tại Điều 19 của Luật Hôn nhân và Gia đình: *"1. Vợ chồng có nghĩa vụ thương yêu, chung thủy, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau; cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình. 2. Vợ chồng có nghĩa vụ sống chung với nhau, trừ trường hợp vợ chồng có thỏa thuận khác hoặc do yêu cầu của nghề nghiệp, công tác, học tập, tham gia các hoạt động chính trị, kinh tế, văn hóa, xã hội và lý do chính đáng khác"*. Căn cứ

vào quy định của pháp luật và thực tế, đủ cơ sở xác định hai bên đã vi phạm nghiêm trọng quyền và nghĩa vụ của vợ chồng, làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy, yêu cầu của chị S về việc xin ly hôn anh M là phù hợp với Điều 56 của Luật Hôn nhân và Gia đình nên cần chấp nhận.

- Về con chung:

[4] Chị S và anh M có 02 con chung là V sinh năm 2001, cháu T sinh năm 2009. Cháu Vũ đã đủ 18 tuổi hiện đang đi du học, cháu Trang hiện đang ở với chị S, chị S đề nghị giao cháu Trang cho chị trực tiếp nuôi dưỡng. Hội đồng xét xử xét thấy: Anh M có ý kiến: trong trường hợp phải ly hôn, cháu Trang muốn ở với ai thì tùy cháu, cháu Trang có đơn đề nghị được ở với mẹ, chị S có nguyện vọng nuôi con và có việc làm và thu nhập ổn định; đề nghị của chị S và cháu Trang là phù hợp với thực tế, đảm bảo quyền và lợi ích hợp pháp của con, phù hợp quy định tại các điều 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và Gia đình nên cần được chấp nhận. Về vấn đề cấp dưỡng nuôi con, chị S chưa có yêu cầu nên tạm hoãn việc cấp dưỡng nuôi con cho đến khi chị có yêu cầu.

- Về tài sản chung:

[5] Chị S không yêu cầu nên không đặt ra xem xét, giải quyết.

- Về án phí ly hôn sơ thẩm:

[6] Chị S là nguyên đơn trong vụ án ly hôn nên phải nộp án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

- Về quyền kháng cáo:

[7] Chị S và anh M được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 28, Điều 35, Điều 39, Điều 147, Điều 227, Điều 228 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 51, Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị S được ly hôn anh Phạm Quang M.

2. Về con chung: Giao cho chị S trực tiếp nuôi con chung T, sinh ngày 02-3-2009 cho đến khi con đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật. Tạm hoãn nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung đối với anh M cho đến khi chị S có yêu cầu.

Không ai được cản trở người không trực tiếp nuôi con chung trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung.

3. Về tài sản chung: Chị S không yêu cầu nên không đặt ra xem xét, giải quyết. Tạm hoãn việc yêu cầu chia tài sản chung vợ chồng cho đến khi anh M và chị S có yêu cầu.

4. Về án phí: Chị S phải nộp 300.000 đồng (ba trăm nghìn) đồng tiền án phí ly hôn sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí Tòa án số 0013393 ngày 11- 6 -2021 tại Chi cục Thi hành án dân sự quận D, thành phố H. Chị S đã nộp đủ tiền án phí ly hôn sơ thẩm.

5. Về quyền kháng cáo: Chị S được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Anh Phạm Văn M vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự

Nơi nhận:

- VKSND quận D;
- VKSND TP H;
- Tòa án nhân dân TP H;
- Chi cục THADS quận D;
- UBND X.T,H.K, H (ĐKKH số 11.Q01/2001);
- Đương sự;
- Lưu: Hồ sơ, VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Vũ Quang Trung